



Bài báo nghiên cứu

TÁC ĐỘNG XÃ HỘI TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN QUY HOẠCH MẠNG LƯỚI CÁC TRƯỜNG SƯ PHẠM Ở VIỆT NAM

Phạm Hồng Quang¹, Nguyễn Danh Nam^{2*}

¹Trường Đại học Thái nguyên, Việt Nam

²Trường Đại học Sư phạm, Đại học Thái Nguyên, Việt Nam

*Tác giả liên hệ: Nguyễn Danh Nam – Email: danhnam.nguyen@tmue.edu.vn

Ngày nhận bài: 01-3-2020; ngày nhận bài sửa: 11-7-2020; ngày duyệt đăng: 24-8-2020

TÓM TẮT

Bài viết trình bày một số định hướng quy hoạch mạng lưới các trường sư phạm ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay và một số thách thức đặt ra của hệ thống đào tạo giáo viên. Qua khảo sát thực tiễn và phỏng vấn chuyên gia, bài viết chỉ ra một số tác động xã hội mang tính tích cực và tiêu cực trong quá trình thực hiện quy hoạch mạng lưới, đồng thời đề xuất các giải pháp giảm thiểu các tác động xã hội mang tính tiêu cực, hình thành mạng lưới các trường sư phạm có chất lượng, đáp ứng yêu cầu đào tạo giáo viên trong bối cảnh mới.

Từ khóa: quy hoạch; quy hoạch sư phạm; mạng lưới sư phạm; tác động xã hội; đào tạo giáo viên

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục đại học, các cơ sở đào tạo giáo viên (sau đây gọi chung là trường sư phạm) phải đổi mới mục tiêu, chương trình đào tạo, nội dung, phương pháp dạy học và phương pháp đánh giá kết quả đầu ra của sinh viên, bồi dưỡng giáo viên theo hướng thực học, thực nghiệp và định hướng vào công nghệ. Với số lượng hơn 100 trường sư phạm trong cả nước, các trường sẽ xác định số lượng chỉ tiêu tuyển sinh khá lớn, nếu thiếu kiểm soát sẽ tạo sự dư thừa nhân lực và hệ quả của nó không chỉ gây lãng phí về tài chính mà đáng lo ngại hơn là các vấn đề xã hội. Bên cạnh đó, việc triển khai chương trình giáo dục phổ thông 2018 với các môn học mang tính tích hợp như Khoa học tự nhiên, Lịch sử và Địa lí ở bậc trung học cơ sở; âm nhạc, mỹ thuật, công nghệ và tin học ở tiểu học..., dự báo trong tương lai, đội ngũ giáo viên dạy các môn học này không đòi hỏi nhiều về số lượng, hơn nữa có thể đào tạo lại hoặc bồi dưỡng giáo viên các môn học khác để tham gia giảng dạy. Ngoài ra, việc tổ chức đào tạo và chất lượng đào tạo của các trường cũng không đồng nhất, trong khi muốn đổi mới thành công phải bắt đầu từ người thầy và không thể phát triển giáo dục nếu không có thầy giỏi (Jakupiec, Meier, & Nguyen, 2006; Phạm, 2013).

Các trường sư phạm ở Việt Nam phần lớn thuộc hệ thống công lập, trong khi đó, giáo

Cite this article as: Phạm Hồng Quang, & Nguyễn Danh Nam (2020). Social impacts of restructuring the network of teacher education universities in Vietnam. *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*, 17(8), 1373-1381.

viên được đào tạo để phục vụ cả hệ thống giáo dục phổ thông và mầm non tư thục. Trong điều kiện khó khăn của nền kinh tế – xã hội, ngay cả những nước phát triển cũng khó đủ tiềm lực trang trải, đầu tư đồng bộ cho một hệ thống công kênh như vậy (Nguyen, 2013; Pham, 2013); do đó, việc đầu tư kiểu dàn trải đã không tạo được sự bứt phá nào trong phát triển các trường sư phạm. Vì vậy, cần thiết cần phải quy hoạch lại mạng lưới các trường sư phạm nhằm mục đích ổn định và phát triển, dựa trên chiến lược phát triển kinh tế – xã hội của đất nước. Trước khi có quy hoạch, một số trường sư phạm đã được tiến hành sáp nhập, giải thể do không còn sứ mệnh hoặc không đáp ứng được nhu cầu của xã hội, ví dụ Trường Cao đẳng sư phạm Hà Nam trở thành phân hiệu của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Trường Cao đẳng Sư phạm Lào Cai trở thành phân hiệu của Đại học Thái Nguyên, Trường Cao đẳng Sư phạm Cà Mau phải giải thể và một số trường cao đẳng sư phạm khác được sáp nhập vào các trường đại học hoặc cao đẳng đa ngành của địa phương. Các trường cao đẳng này chịu sự quản lý chuyên môn của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, do đó nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng giáo viên cũng không còn được coi trọng (Pham, & Nguyen, 2019a).

Nhìn chung, một số trường sư phạm gặp khó khăn trong tuyển sinh đầu vào, đội ngũ giảng viên của các trường có tâm lý lo lắng, không yên tâm trong công tác, cơ sở vật chất không được sử dụng, khai thác hiệu quả dẫn đến lãng phí cho các địa phương (Pham & Nguyen; 2019a). Tuy nhiên, một số quan điểm cho rằng cần tập trung đầu tư cho các trường sư phạm chủ chốt ở các thành phố lớn và cơ sở hoặc giải thể các cơ sở vùng sâu, vùng xa. Đây là một quan điểm khá cực đoan (Pham, & Nguyen, 2019b). Khi một cơ sở giáo dục xuất hiện ở một địa phương có tác động rất tích cực về nhiều mặt cho địa phương đó, vấn đề là cần xác định được chức năng, vai trò, nhiệm vụ của cơ sở trong hệ thống sư phạm để xây dựng định hướng quy hoạch. Việc quy hoạch có thể thực hiện theo hướng: các trường đại học có chất lượng cao, có uy tín sẽ được chọn làm trường sư phạm trọng điểm, các trường khác sẽ chuyển đổi hoạt động để trở thành phân hiệu hay vệ tinh của các trường trọng điểm này. Toàn bộ chương trình đào tạo của các trường sư phạm sẽ được chuẩn hóa và sử dụng đồng bộ trong toàn hệ thống để đảm bảo chất lượng đào tạo giáo viên trong cả nước.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Định hướng quy hoạch các trường sư phạm

Mục tiêu chung của việc quy hoạch là hình thành mạng lưới đào tạo, bồi dưỡng giáo viên bảo đảm tinh gọn, chất lượng, hiệu quả; số lượng, cơ cấu hợp lý, trong đó có một số trường sư phạm trọng điểm và các phân hiệu trường sư phạm trọng điểm, cơ sở bồi dưỡng giáo viên ở các địa phương; gắn kết chặt chẽ giữa đào tạo và nhu cầu về số lượng, cơ cấu, năng lực giáo viên của các địa phương. Giai đoạn từ năm 2020 đến năm 2025, cần hình thành hai trường sư phạm trọng điểm ở Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh trên cơ sở sắp xếp, tổ chức lại Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh và một số trường đại học sư phạm khác. Bên cạnh đó, cần xây dựng mạng lưới “vệ tinh” là các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng giáo viên ở các địa phương trên cơ sở sắp xếp, tổ chức lại các

trường cao đẳng sư phạm, trung cấp sư phạm, các khoa/trường sư phạm trực thuộc các cơ sở giáo dục đại học đa ngành. Giai đoạn từ năm 2026 đến năm 2030 sẽ hình thành thêm một trường sư phạm trọng điểm tại miền Trung trên cơ sở sắp xếp, tổ chức lại các trường đại học sư phạm trên địa bàn và một số tỉnh, thành lân cận. Như vậy, trước mắt cần thực hiện sắp xếp, tổ chức lại hoặc thu hẹp chức năng, nhiệm vụ của một số trường sư phạm, đặc biệt là các cơ sở đào tạo trình độ đại học chưa đạt chuẩn, các trường cao đẳng sư phạm, trung cấp sư phạm và dừng giao chỉ tiêu tuyển sinh sư phạm đối với các trường trung cấp khác. Cụ thể:

- *Đối với các trường trung cấp sư phạm*: Cần chuyển đổi mô hình sang loại hình khác như trung tâm học tập cộng đồng, trung tâm giáo dục thường xuyên hoặc trường dạy nghề, trong trường hợp các trường này không chuyển đổi được mô hình thì cần có phương án giải thể hoặc sáp nhập.

- *Đối với các trường cao đẳng sư phạm*: Trước mắt chỉ đào tạo giáo viên mầm non (theo Luật Giáo dục sửa đổi, bổ sung thì trình độ chuẩn của giáo viên từ bậc tiểu học trở lên tối thiểu là đại học), về lâu dài có thể chuyển đổi mô hình sang loại hình trường khác hoặc làm vệ tinh cho các trường sư phạm trọng điểm.

- *Đối với các trường đại học địa phương*: Cần tập trung đào tạo giáo viên mầm non, tiểu học và trung học cơ sở, đồng thời đảm nhận việc bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục trên địa bàn.

- *Đối với các trường đại học sư phạm chủ chốt, trọng điểm*: Cần tập trung đào tạo giáo viên trung học phổ thông và sau đại học, bồi dưỡng, tập huấn giáo viên giáo viên phổ thông cốt cán; tập trung cho nghiên cứu khoa học sư phạm.

Bộ Giáo dục và Đào tạo cần đẩy mạnh công tác kiểm tra các điều kiện đảm bảo chất lượng của các ngành đào tạo sư phạm đã mở. Cơ sở nào không đủ điều kiện, địa phương nào không còn nhu cầu đào tạo mới giáo viên sẽ ngừng tuyển sinh. Đặc biệt, Bộ Giáo dục và Đào tạo cần có hướng dẫn để các địa phương chuyển đổi nhiệm vụ các trường cao đẳng sư phạm từ đào tạo sinh viên chính quy sang bồi dưỡng và đào tạo lại đội ngũ giáo viên cho địa phương. Đây là nhiệm vụ đặc biệt quan trọng của ngành giáo dục và đào tạo trong bối cảnh đổi mới chương trình giáo dục phổ thông.

2.2. Những thách thức của hệ thống đào tạo giáo viên

a) Đào tạo dư thừa, thiếu cục bộ gây lãng phí ngân sách nhà nước

Ngành sư phạm là ngành đào tạo nghề – nghề giáo viên, do đó phải phù hợp với nhu cầu của xã hội (Craig, 2016). Vì vậy, cần có dự báo nhu cầu đào tạo giáo viên hàng năm để tránh đào tạo dư thừa gây nên tình trạng thất nghiệp, ảnh hưởng đến chất lượng đầu vào của ngành sư phạm. Do đó, để dự báo được nhu cầu đào tạo, trước hết cần thống kê được số giáo viên thừa, thiếu của từng bộ môn ở từng trường, từng cấp học, từng địa phương (Nguyễn, & Hà, 2016). Thực tế hiện nay cho thấy có hiện tượng thừa, thiếu giáo viên ở nhiều địa phương, thừa giáo viên ở các thành phố lớn, thiếu giáo viên ở các vùng còn khó khăn, miền núi, dân tộc thiểu số... hoặc thiếu giáo viên ở một số môn học trong chương trình giáo dục phổ thông

mới (Pham, & Nguyen, 2019a); tuy nhiên, giáo viên dạy môn này không thể chuyển sang dạy môn khác hoặc giáo viên cấp này không thể chuyển sang cấp khác và địa phương này cũng không thể chuyển sang địa phương khác.

Đào tạo giáo viên cho vùng dân tộc thiểu số gặp nhiều khó khăn, vẫn còn tình trạng thiếu giáo viên, nhiều sinh viên tốt nghiệp trường sư phạm chưa sẵn sàng tham gia giảng dạy tại miền núi, vùng sâu, vùng xa trong khi chính sách cử tuyển cũng không mang lại hiệu quả như mong đợi. Một số chuyên gia cho rằng đang có những “vùng trũng” về giáo dục (Jakupec, Meier, & Nguyen, 2006). Vì vậy, quy hoạch các trường sư phạm cần xem xét đến yếu tố địa lý, kinh tế – xã hội của từng vùng, miền trong mối tương quan với các cơ sở trọng điểm. Điều này giúp kích thích sự phát triển đồng đều giữa các vùng miền, tạo sự thuận lợi không chỉ trong quá trình đào tạo mà cả trong quá trình bồi dưỡng trong tương lai.

b) Tuyển sinh sư phạm gặp khó khăn

Các trường sư phạm có xu hướng đa ngành, đa lĩnh vực đào tạo và nâng cấp các trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm thành trường đại học đa ngành. Các trường sư phạm không chỉ đào tạo giáo viên và giáo viên không chỉ được đào tạo ở các trường sư phạm. Nhu cầu số lượng giáo viên không còn cấp bách nữa, đào tạo sư phạm tràn lan dẫn đến dư thừa, gây khó khăn trong tuyển sinh hoặc nếu tuyển sinh được thì chất lượng đầu vào thấp. Tuy nhiên, yêu cầu chất lượng nghề nghiệp của đội ngũ giáo viên lại cấp bách để đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế và đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục Việt Nam. Hơn nữa, quản lý phát triển đội ngũ giáo viên thiếu quy hoạch vĩ mô và chưa gắn đào tạo ban đầu với bồi dưỡng liên tục và sử dụng giáo viên thành một quá trình liên hoàn. Mặt khác, việc sáp nhập, giải thể các trường sư phạm ở các địa phương hiện nay dẫn đến tình trạng dư thừa đội ngũ cán bộ, giảng viên sư phạm. Một số giảng viên được cử biệt phái giảng dạy ở các trường phổ thông trong tỉnh hoặc được điều chuyển làm nhiệm vụ khác không phù hợp với chuyên môn được đào tạo, nhiều giảng viên có trình độ cao đã xin chuyển công tác. Tuyển sinh đầu vào khó khăn, nhiều trường cao đẳng sư phạm không tuyển đủ chỉ tiêu, thậm chí nhiều ngành không có người học nhiều năm liền dẫn đến cơ sở vật chất, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành không được khai thác, sử dụng gây lãng phí (Pham & Nguyen; 2019a). Vì vậy, cần có giải pháp quản lý cơ sở vật chất, sử dụng và khai thác hiệu quả thông qua các hoạt động khác như: dạy nghề, tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh phổ thông...

c) Sự thiếu gắn kết giữa các trường sư phạm và giữa trường sư phạm với các cơ sở thực hành trong đào tạo giáo viên

Bên cạnh việc đào tạo sư phạm còn dần trải thì sự thiếu gắn kết giữa các trường sư phạm trong đào tạo, nghiên cứu khoa học giáo dục và sự thiếu gắn kết với các cơ sở giáo dục phổ thông, mầm non đang là thách thức đối với hệ thống sư phạm của nước ta. Ngoài ra, trong bối cảnh với các đặc điểm nêu trên cho thấy, việc quản lý các trường sư phạm phát triển đội ngũ giáo viên phải là đối tượng quản lý trực tiếp của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Quản lý trực tiếp thông qua tác động hệ thống là tiếp cận hiệu quả trong bối cảnh hiện nay (đó cũng

là tiếp cận hiệu quả ở những bối cảnh khác nhau trong lịch sử phát triển giáo dục Việt Nam). Như vậy, cần xây dựng hệ thống với sự gắn kết giữa các cơ sở đào tạo giáo viên, giữa cơ sở đào tạo giáo viên với các cơ sở nghiên cứu giáo dục, các trường mầm non và các trường phổ thông (Adele, 2009).

d) Các trường cao đẳng sư phạm gặp nhiều khó khăn khi giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở được nâng chuẩn trình độ đào tạo theo yêu cầu của Luật Giáo dục sửa đổi, bổ sung

Yêu cầu về chuẩn trong Luật Giáo dục 2019 thì giáo viên mầm non cần đạt trình độ cao đẳng, giáo viên tiểu học và trung học cơ sở cần đạt trình độ đại học. Do vậy, sứ mạng của các trường cao đẳng sư phạm trong đào tạo giáo viên tiểu học, trung học cơ sở không còn, chỉ còn đào tạo giáo viên mầm non. Vì thế, cần chuyển đổi chức năng, nhiệm vụ và mô hình đào tạo của các trường cao đẳng sư phạm. Các phương án được các chuyên gia giáo dục đưa ra là: (i) sáp nhập với các trường cao đẳng của địa phương để trở thành trường cao đẳng đa ngành hoặc sáp nhập vào khoa sư phạm, hoặc trường đại học sư phạm thuộc địa phương; (ii) xây dựng các trường cao đẳng sư phạm trở thành phân hiệu hoặc vệ tinh hoặc cơ sở thực hành của các trường đại học sư phạm chủ chốt; phối hợp trong đào tạo giáo viên mầm non, giáo viên tiểu học có trình độ đại học (hệ vừa làm vừa học); phối hợp trong bồi dưỡng thường xuyên đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục cho địa phương (đối tượng đại trà); (iii) sáp nhập với các viện/trung tâm nghiên cứu giáo dục, trung tâm giáo dục thường xuyên của các tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương để thành lập trung tâm bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục cho các địa phương; (iv) chuyển thành các trường phổ thông, mầm non chất lượng cao.

Nguyên nhân của các thách thức trên theo quan điểm của các chuyên gia giáo dục, đó là: Thứ nhất, do quản lý nhà nước về giáo dục bị cắt khúc, chòng chẹo. Cụ thể Bộ Giáo dục và Đào tạo, ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố đều là chủ thể tổ chức đào tạo giáo viên và nay là Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội (do sáp nhập các trường sư phạm và cơ sở giáo dục nghề nghiệp); trong khi đó, Bộ Nội vụ, Sở Nội vụ của các tỉnh mới có quyền bố trí chỉ tiêu và tuyển dụng giáo viên. Thứ hai, do công tác quy hoạch, dự báo từ trung ương đến địa phương rất hạn chế, thiếu chính xác và thiếu chủ động. Thứ ba, công tác đào tạo giáo viên bị thị trường hóa, mất kiểm soát. Cụ thể, có quá nhiều cơ sở giáo dục tham gia đào tạo giáo viên; các trường đều tăng quy mô để có nguồn thu cho hoạt động của trường, ít quan tâm đến năng lực và cơ hội việc làm của người học. Chính vì vậy, cần phải xây dựng các phương án quy hoạch lại mạng lưới các trường sư phạm, đánh giá tác động xã hội, đưa ra các giải pháp thực hiện quy hoạch và các giải pháp giảm thiểu tác động xã hội từ việc thực hiện phương án quy hoạch đó.

2.3. Tác động xã hội của vấn đề quy hoạch mạng lưới sư phạm

Một trong những giải pháp quan trọng trong thực hiện các phương án quy hoạch là đảm bảo quản lý tốt chất lượng tuyển sinh, đào tạo và đầu ra của các trường, các ngành sư phạm. Việc quy hoạch lại mạng lưới các trường được kì vọng sẽ góp phần giải quyết vấn đề

này ở tầm chiến lược. Nhiều chuyên gia cho rằng có những tác động xã hội trước mắt của vấn đề sắp xếp lại mạng lưới các trường sư phạm trong bối cảnh hiện nay, do đó, cần phải giải quyết bài toán cung cầu nhân lực giáo viên, từ đó sẽ tránh được đào tạo dàn trải, kém hiệu quả. Mặt khác, cần thống nhất đào tạo giáo viên ở các nội dung cốt lõi, đưa vào các chuẩn chung về chất lượng đào tạo trong cả nước, như vậy sẽ thiết thực và hiệu quả hơn trong đầu tư. Tuy nhiên, cách làm này cũng có thể mang lại một số rủi ro như: hạn chế tính linh hoạt, đa dạng giáo dục, đặc trưng vùng miền, ảnh hưởng đến tính sáng tạo và lộ trình tự chủ của các trường đại học.

a) Tác động tích cực

Qua phỏng vấn sâu, một số chuyên gia còn băn khoăn về vấn đề việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp, sự phân cấp quản lý nhà nước đối với các trường sư phạm sau khi quy hoạch, vấn đề quản lý chất lượng và cải tiến chất lượng đào tạo giáo viên. Tuy nhiên, quy hoạch dẫn đến xác định lại vị trí, vai trò, chức năng và nhiệm vụ của một số trường sư phạm. Điều này tác động đến việc sắp xếp và sử dụng nguồn nhân lực giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục, giúp quản lý nhà nước trong đào tạo giáo viên được chặt chẽ hơn.

Từ thập niên 80 của thế kỉ XX, các trường cao đẳng, đại học địa phương có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc cung cấp nguồn nhân lực cho hệ thống giáo dục quốc dân (Pham, & Nguyen; 2019a). Có quan niệm cho rằng cần tập trung đầu tư cho các trường sư phạm chủ chốt ở các thành phố lớn và co hẹp hoặc giải thể các cơ sở đào tạo ở vùng sâu, vùng xa. Đây là quan niệm khá cực đoan, vì có thể thấy rõ, khi một cơ sở giáo dục xuất hiện ở một địa phương có tác động rất tích cực về nhiều mặt cho địa phương đó, vấn đề là xác định được chức năng, vai trò, nhiệm vụ của cơ sở trong hệ thống để xây dựng quy hoạch. Khi đó, quy mô đào tạo giáo viên được kiểm soát, có kế hoạch và tránh lãng phí ngân sách trong đào tạo. Như vậy, có thể nói quy hoạch sẽ giải quyết được thực trạng thừa thiếu giáo viên, tránh được sự lãng phí trong công tác đào tạo, tập trung nguồn lực đầu tư góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và đáp ứng tốt chương trình giáo dục phổ thông mới, đào tạo nguồn nhân lực cho cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, vừa nâng cao vị thế, vai trò của đội ngũ giáo viên, vừa tạo niềm tin, huy động được nhiều nguồn lực hỗ trợ và đồng hành cùng sự phát triển của giáo dục Việt Nam.

Đối với các trường sư phạm, quy hoạch sẽ giúp nâng cao năng lực tự chủ, quản trị và hiệu quả sử dụng các nguồn lực để phát triển nhà trường; xác định được chức năng, vai trò và nhiệm vụ của từng trường trong một chỉnh thể thống nhất có sự liên thông, kết nối, hỗ trợ lẫn nhau trong công tác đào tạo; nâng cao hiệu quả đào tạo của các trường sư phạm, bảo đảm số lượng tuyển sinh phù hợp với nhu cầu sử dụng và năng lực đào tạo của từng trường.

Đối với ngành giáo dục, quy hoạch sẽ hình thành được hệ thống các trường sư phạm bao gồm các trường đại học sư phạm trọng điểm và các vệ tinh theo hướng tinh gọn, giảm đầu mối, kết hợp với mô hình quản trị hiện đại, hiệu quả, khắc phục tình trạng chồng chéo, dàn trải, trùng lặp về chức năng, tránh lãng phí nguồn lực đầu tư của nhà nước; phân định rõ

chức năng đào tạo, bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục đối với từng cơ sở đào tạo; tăng cường mối quan hệ gắn kết giữa các trường sư phạm và cơ sở sử dụng đội ngũ giáo viên, đáp ứng yêu cầu về đội ngũ giảng viên thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới.

Đối với xã hội, quy hoạch bảo đảm niềm tin của xã hội vào chất lượng đào tạo giáo viên trên cơ sở đảm bảo cân đối cung cầu trong đào tạo nhân lực giáo viên; thu hút được học sinh giỏi, có năng lực vào học các ngành đào tạo; đảm bảo cho người học sau khi tốt nghiệp tìm được việc làm đúng ngành, giảm tỉ lệ thất nghiệp của ngành sư phạm và nâng cao vị thế nghề giáo trong xã hội.

b) Tác động tiêu cực

Một số chuyên gia cho rằng việc quy hoạch lại hệ thống sư phạm có thể làm giảm tính chủ động trong phát triển hệ thống đào tạo giáo viên và làm giảm tính cạnh tranh giữa các cơ sở đào tạo trong hệ thống. Hơn nữa, việc giảm số cơ sở đào tạo dẫn đến một bộ phận đội ngũ giảng viên của các trường sư phạm sẽ không có việc làm. Cơ chế quản lý các trường cao đẳng, đại học có đào tạo giáo viên ở các địa phương còn hạn chế do Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ quản lý về chuyên môn nên việc quy hoạch mạng lưới các trường sư phạm sẽ gặp nhiều khó khăn.

Đối với các trường sư phạm, quá trình tồn tại cùng với lịch sử hơn 70 năm hình thành và phát triển, việc sắp xếp, tổ chức lại hệ thống trường sư phạm sẽ tạo áp lực cho các cơ sở đào tạo phải chuyển đổi, sáp nhập hoặc giải thể, bảo đảm quyền lợi của các bên liên quan, đặc biệt là đội ngũ giảng viên và cán bộ quản lý. Năng lực thực hiện tự chủ, điều kiện về nguồn lực tài chính và cơ sở vật chất, thói quen, tâm lý của giảng viên và quyết tâm của lãnh đạo nhiều trường sư phạm còn hạn chế. Đặc biệt, có hiện tượng người học không muốn vào học các ngành sư phạm. Cụ thể, tuyển sinh năm 2018, Bộ Giáo dục và Đào tạo giảm 33% chỉ tiêu tuyển sinh các ngành sư phạm (từ 52.000 xuống 35.000). Có những trường giảm khá “sâu”, ví dụ Trường Đại học Sư phạm Huế (37,5%), Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên (31,4%), Trường Đại học Sư phạm Hà Nội (21%), Trường Đại học Phạm Văn Đồng (73%), Trường Đại học Cần Thơ (46,3%), Trường Cao đẳng Sư phạm Hà Giang (73%), Trường Cao đẳng Sư phạm Bắc Ninh (66%)... (Pham & Nguyen, 2019a).

Đối với ngành giáo dục, các trường sư phạm trực thuộc bộ chủ quản, địa phương khác nhau nên phương án xử lý chế độ chính sách, tổ chức, nhân sự cho đội ngũ nhà giáo, người lao động khi quy hoạch các trường sư phạm khó có phương án thống nhất. Ngoài ra, khả năng kết nối giữa các cơ sở đào tạo sư phạm với các cơ sở giáo dục đào tạo khác còn rất hạn chế.

Đối với xã hội, việc quy hoạch lại các trường sư phạm có thể dẫn tới phản ứng của một bộ phận xã hội và nhân dân khi chưa nhận thức rõ về quá trình và hiệu quả của việc đổi mới hệ thống tổ chức các trường sư phạm.

2.4. Giải pháp giảm thiểu tác động xã hội mang tính tiêu cực

Để giảm thiểu được các tác động xã hội mang tính tiêu cực ở trên khi thực hiện quy hoạch mạng lưới các trường sư phạm, chúng tôi đề xuất thực hiện một số giải pháp sau đây:

- Xây dựng cơ chế để huy động các nguồn lực đảm bảo việc thực hiện quy hoạch mạng lưới các trường sư phạm được thực hiện theo lộ trình thích hợp, không gây xáo trộn và gián đoạn hoạt động của các trường sư phạm.

- Phát triển năng lực đội ngũ giảng viên của các trường sư phạm sau khi sáp nhập, giải thể hoặc chuyển đổi mô hình đào tạo nhằm bố trí công việc phù hợp với chuyên môn của giảng viên.

- Hướng dẫn các địa phương, các bộ, ngành rà soát sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở đào tạo giáo viên để chuyển đổi thành các phân hiệu của các trường sư phạm trọng điểm quốc gia, cơ sở bồi dưỡng giáo viên ở các địa phương; dừng phân bổ chỉ tiêu tuyển sinh ngành sư phạm mầm non đối với các trường cao đẳng đa ngành có kết quả đánh giá thấp và trên địa bàn không có nhu cầu; dừng giao chỉ tiêu tuyển sinh trình độ cao đẳng các ngành đào tạo giáo viên khác để thực hiện nâng chuẩn giáo viên theo Luật Giáo dục sửa đổi năm 2019.

- Tuyên truyền nhận thức về hiệu quả tích cực của việc quy hoạch lại hệ thống để tạo sự đồng thuận và niềm tin của xã hội, của các trường sư phạm về tính khả thi của những giải pháp thực hiện nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo giáo viên đáp ứng đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo nói chung và triển khai chương trình giáo dục phổ thông mới nói riêng.

3. Kết luận

Quy hoạch mạng lưới các trường sư phạm cần được chuẩn bị kỹ lưỡng, gắn với đặc điểm kinh tế xã hội các vùng miền, đồng thời phải có lộ trình và bước đi phù hợp, có trọng tâm, trọng điểm. Trong bối cảnh đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đòi hỏi cao hơn từ năng lực đội ngũ nhà giáo, vì vậy cần tiếp tục tập trung đầu tư cho các trường sư phạm lớn và hỗ trợ phát triển năng lực các trường có đào tạo giáo viên cho miền núi, vùng sâu, vùng dân tộc thiểu số. Trong quá trình thực hiện quy hoạch, Bộ Giáo dục và Đào tạo cần hướng dẫn các địa phương sắp xếp, tổ chức lại các trường sư phạm hoặc chuyển đổi mô hình đào tạo – bồi dưỡng, giải quyết tốt vấn đề việc làm cho đội ngũ cán bộ, giảng viên sư phạm, khai thác có hiệu quả cơ sở vật chất của các trường sau khi sáp nhập, giải thể; thực hiện tốt công tác dự báo nhu cầu đào tạo, tránh tình trạng nơi thừa nơi thiếu giáo viên, đào tạo tràn lan gây lãng phí ngân sách nhà nước và hạn chế tối đa các tác động xã hội mang tính tiêu cực.

❖ **Tuyên bố về quyền lợi:** Các tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.

❖ **Lời cảm ơn:** Công trình nghiên cứu này được tài trợ bởi Chương trình KH&CN về Khoa học Giáo dục cấp Quốc gia KHGD/16-20 với đề tài “Nghiên cứu quy hoạch mạng lưới các trường sư phạm ở Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn 2035”.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Adele, G. (2009). Restructuring teacher education. *Issues in Education Policy*, 6, Centre for Education Policy Development.
- Craig, C. J. (2016). *Structure of teacher education*. In Loughran, J., Hamilton, M. L. (Editors). *International Handbook of Teacher Education*, Springer, 69-135.
- Jakupec, V., Meier, B., & Nguyen, V. C. (2006). Some international trends in developing teaching programs and the connection with general education curriculum in Vietnam [Cac xu hướng quốc tế trong xây dựng chương trình dạy học và sự liên hệ với chương trình trung học phổ thông ở Việt Nam]. *Vietnam Journal of Education*, 40(2), 54-57.
- Nguyen, T. B. (2013). *Nghiên cứu đề xuất các giải pháp cải cách công tác đào tạo, bồi dưỡng giáo viên* [Research on proposing some measures for renovating teachers' training and re-training]. Hanoi: Scientific Project at State level, Vietnam Peace and Development Fund.
- Nguyen, T. H., & Ha, T. T. T. (2016). Đề xuất xây dựng mô hình đào tạo giáo viên ở Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế [Proposing to build teacher education model for Vietnam in global integration context]. *Vietnam Journal of Education*, October Special Issue, 49-52.
- Pham, H. Q. (2013). *Phát triển chương trình đào tạo giáo viên: Những vấn đề lý luận và thực tiễn* [Developing teacher education curriculum: Issues on theory and practice]. Thai Nguyen: Thai Nguyen University Publishing House.
- Pham, H. Q., & Nguyen, D. N. (2019a). Thực trạng vấn đề quy hoạch mạng lưới các trường sư phạm ở Việt Nam [Real situation of restructuring the network of teacher education institutions in Vietnam]. *Journal of Educational Science*, (22), 9-17.
- Pham, H. Q., & Nguyen, D. N. (2019b). Quan điểm và nguyên tắc quy hoạch mạng lưới các trường sư phạm ở Việt Nam [Viewpoints and principles of restructuring the network of teacher education institutions in Vietnam]. *Thai Nguyen Journal of Science and Technology*, Thai Nguyen University, 209(16), 108-114.

**SOCIAL IMPACTS OF RESTRUCTURING THE NETWORK
OF TEACHER EDUCATION UNIVERSITIES IN VIETNAM**

Pham Hong Quang¹, Nguyen Danh Nam^{2}*

¹Thai Nguyen University, Vietnam

²Thai Nguyen University of Education, Vietnam

*Corresponding author: Nguyen Danh Nam – Email: danhnam.nguyen@tinue.edu.vn

Received: March 01, 2020; Revised: July 11, 2020; Accepted: August 24, 2020

ABSTRACT

The paper presents some orientations for restructuring the network of teacher education universities in Vietnam in the current period and some challenges of the teacher education system. Through surveys and interviews with some educational experts, the paper reported on some positive and negative social impacts during the restructuring. Thereby, the paper proposes solutions to minimize negative social impacts, forming a network of high-quality teacher education universities, meeting the requirements of teacher education in a new context.

Keywords: restructuring; teacher education restructuring; teacher education system; social impact; teacher education